

GIẢI PHÁP RÚT NGẮN KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO VÀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✍ NGUYỄN DUY ANH*

Ngày nhận: 18/6/2020

Ngày phản biện: 30/6/2020

Ngày duyệt đăng: 28/7/2020

Tóm tắt: Sau 34 năm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã làm thay đổi diện mạo kinh tế - văn hóa - xã hội. Nền kinh tế có sự tăng trưởng đáng kể, mức sống của dân cư được nâng cao, nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội từng bước được cải thiện. Song, mặt trái của cơ chế thị trường đã và đang làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, trong đó không thể không đề cập đến khoảng cách giàu nghèo gia tăng và phân tầng xã hội ngày càng rõ rệt. Bài viết tập trung vào phân tích thực trạng nghèo, khoảng cách phân hóa giàu nghèo và phân tầng xã hội; từ đó đề xuất một số giải pháp vĩ mô và vi mô để giảm nghèo và giảm phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nghèo; nghèo đói; phân hóa giàu nghèo; phân tầng xã hội.

SOLUTIONS TO MAKE WEALTH GAP AND SOCIAL STRATIFICATION SHORTER IN VIETNAM TODAY

Abstract: After 34 years of reforming the economic management mechanism from central planning to the socialist-oriented market mechanism, under the leadership of the Communist Party of Vietnam, Việt Nam has changed the economic model - literature socialization. The economy has seen remarkable growth, the living standard of the population has been improved, many other areas of social life have been gradually better. However, the downside of the market mechanism has raised many social problems, in which it is impossible not to mention the increasing the wealth gap and the increasingly clear social stratification. The article focuses on analyzing the current situation of poverty, the wealth gap and social stratification; thereby proposing a number of macro and micro solutions to reduce poverty and make social stratification shorter in Vietnam today.

Keywords: Poor, poverty, differentiate between rich and poor, social stratification.

1. Khoảng cách giàu nghèo và kết quả giảm nghèo đã đạt được trong những năm qua

1.1. Khái niệm

Tổ chức Y tế Thế giới định nghĩa “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh”.

Hộ nghèo là hộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020:

* Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

* Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

* Trường Đại học Công đoàn

Nghèo đa chiều: có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập. Sự thiếu hụt cơ hội, đi kèm với tình trạng suy dinh dưỡng, thất học, bệnh tật, bất hạnh và tuyệt vọng là những nội dung được quan tâm trong khái niệm nghèo đa chiều. Thiếu đi sự tham gia và tiếng nói về kinh tế, xã hội hay chính trị sẽ đẩy các cá nhân đến tình trạng bị loại trừ, không được thụ hưởng các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội và do vậy bị tước đi các quyền con người cơ bản (UN, 2012). Tuy nhiên, chuẩn nghèo đa chiều có thể là một chỉ số không liên quan đến mức thu nhập mà bao gồm các khía cạnh khác liên quan đến sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (Oxfam và ActionAid, 2010: 11). Chỉ số nghèo đa chiều (Multi-dimensional Poverty Index) của quốc tế, với ba chiều cạnh chính là: y tế, giáo dục và điều kiện sống, hiện là một thước đo quan trọng nhằm bổ sung cho phương pháp đo lường nghèo truyền thống dựa trên thu nhập.

Tựu chung lại nghèo đa chiều là một hiện tượng cần được chú ý nhìn nhận là *sự thiếu hụt hoặc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người. Nghèo đa chiều là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống*. Hiện nay Bộ LĐ-TB&XH đang đề xuất xây dựng bộ tiêu chí nghèo đa chiều, đồng thời rà soát cơ chế, chính sách nhằm thực hiện giảm nghèo theo hướng đa chiều ở Việt Nam.

1.2. Kết quả giảm nghèo và phân hóa giàu nghèo

Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) dẫn lại nhiều nguồn thông tin cho biết khoảng cách chênh lệch về thu nhập, giàu nghèo ở thành phố, các vùng miền tại Việt Nam đang ngày càng nổi rộng. Nói giàu nghèo là đề cập đến thu nhập và mức sống với những chỉ báo khác nhau tùy thuộc vào từng vùng địa lý khác nhau, cũng chính từ đó có quan niệm nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, tình trạng phân hóa giàu nghèo tại Việt Nam đang chuyển dần từ mức tương đối bình đẳng (năm 2002) sang mức chênh lệch thu nhập ngày càng tăng giữa các nhóm dân cư. CIEM dẫn báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) công bố giữa năm 2011 cho biết, số hộ nghèo trên cả nước đã tăng lên 1 triệu hộ, tức tăng 50% sau khi mức chuẩn nghèo được điều chỉnh từ thu nhập 200.000 đồng/người/tháng lên 400.000 đồng/người/tháng tại nông thôn; từ 260.000 đồng/người/tháng lên 500.000 đồng/người/tháng tại khu vực thành thị. Theo chuẩn nghèo mới, hộ nghèo chiếm 20% dân số.

Theo Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội, Trương Thị Mai khẳng định: thành tựu giảm nghèo có thể thấy rõ ở cả chuẩn quốc gia và quốc tế. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,2% năm 2010 xuống 9,6% năm 2012. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo giữa các vùng miền còn khoảng cách khá lớn. Chênh lệch giàu - nghèo có xu hướng gia tăng. Số liệu công bố mới nhất của Ngân hàng Thế giới và Tổng cục Thống kê cho thấy hệ số chênh lệch này đã tăng đều từ 8,1 (2002) lên 9,4 (2012).

Báo cáo của Bộ LĐ-TB&XH cho biết, năm 2019, ngân sách Trung ương bố trí trên 10.400 tỷ đồng cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình), vốn đối ứng địa phương và các nguồn huy động hợp pháp tại 40/63 tỉnh là 2.177 tỷ đồng. Bên cạnh đó, ngân sách Trung ương tiếp tục bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách thường xuyên cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, khuyến nông và khuyến lâm, hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình giảm nghèo, trợ giúp pháp lý.

Chương trình đã hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho trên 1,3 triệu hộ nghèo; hỗ trợ 70% mệnh giá mua thẻ BHYT cho hơn 1,2 triệu hộ cận nghèo; thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên.

Đã có hơn 1,9 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội, tạo việc làm cho gần 267.000 lao động, trong đó gần 7.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; xây dựng hơn 1,2 triệu công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở nông thôn; xây dựng hơn 19.000 căn nhà ở cho các đối tượng chính sách.

Nguồn quỹ và nguồn an sinh xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã xây mới và sửa chữa 16.121 căn nhà Đại đoàn kết cho người nghèo; thăm, tặng 1.826.000 suất quà tết trị giá trên 913 tỷ đồng cho các hộ gia đình nghèo; thăm, tặng quà các trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người khuyết tật.

Đến cuối năm 2019, "Tỷ lệ nghèo cả nước bình quân khoảng dưới 4% (giảm 1,3% so với cuối năm 2018. Bình quân tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn giảm khoảng 3-4% so với cuối năm 2018. Tuy nhiên, tình trạng giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo phát sinh còn cao (bằng 17,82% tổng số hộ thoát nghèo) chủ yếu do thiên tai, tách hộ".

Chênh lệch giàu - nghèo, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, tiếp cận thị trường, việc làm giữa các vùng,

nhóm dân cư chưa được thu hẹp, nhất là khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

Một số chính sách mang tính chất hỗ trợ ngắn hạn, thời vụ; trực tiếp, cho không, mang tính bình quân, cào bằng, thời gian đầu có tác dụng tốt, giải quyết được một số khó khăn trước mắt cho người dân, tuy nhiên đến nay không còn phù hợp, nhưng chậm sửa đổi, bổ sung. Một số Ban chỉ đạo ở địa phương hoạt động chưa hiệu quả, công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa nhịp nhàng, đồng bộ. Đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn, nhất là cán bộ làm công tác lao động, thương binh - xã hội, thông tin cơ sở và các hội, đoàn thể không ổn định, thường xuyên thay đổi đã ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo điều hành trong công tác giảm nghèo. Khả năng tiếp nhận chính sách hỗ trợ của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế.

Các thành viên Ban Chỉ đạo thống nhất nhận định cần tiếp tục thực hiện chương trình giảm nghèo trong gian đoạn 2021-2025 nhưng đổi mới phương pháp tiếp cận, các cách thức hỗ trợ, tiêu chí đánh giá... nhằm kết nối tất cả các chương trình, tổ chức, cá nhân để tạo nguồn lực tổng hợp nhằm hỗ trợ người nghèo về sinh kế, xóa nhà dột nát, cải thiện điều kiện sống của người nghèo. Trong năm 2020, chúng ta cần tập trung huy động tối đa nguồn lực và dồn sức cho việc thực hiện Chương trình đạt kết quả cao nhất, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mục tiêu năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020.

Một số ý kiến đề nghị ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, và miền núi; triển khai sâu rộng và tiết thực phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau; tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo là người có công với cách mạng, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc miền núi; rà soát, đánh giá hộ nghèo theo chuẩn đa chiều, có sự tham gia của người dân, cộng đồng dân cư. Mục tiêu của Chương trình trong năm 2020 là giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước bình quân 1-1,5%/năm (riêng các huyện nghèo, xã nghèo giảm 4%/năm; hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3-4%/năm) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều”.

Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả nước cuối năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015 (riêng hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt

khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số tăng gấp 2 lần). Cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

Có thể khẳng định, khoảng cách giàu nghèo hay phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay giữa lý thuyết và thực tế rất xa. Song công tác xóa đói giảm nghèo, luôn được Đảng, Chính phủ quan tâm giải quyết. Vì phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng phân tầng trong xã hội. Muốn khoảng cách phân tầng xã hội rút ngắn thì không có con đường nào khác là phải giải quyết bài toán xóa đói giảm nghèo.

2. Phân tầng xã hội

2.1. Khái niệm

Phân tầng xã hội - *Social Stratification* - là thuật ngữ bắt nguồn từ địa chất học, được các nhà xã hội học sử dụng như một khái niệm cơ bản để mô tả trạng thái phân chia xã hội thành các tầng lớp khác nhau. Trong xã hội không có sự phân biệt rạch ròi, giản đơn giữa các tầng lớp, mà thường xuyên có sự đan xen, giao thoa, chuyển hóa lẫn nhau do tính cơ động xã hội tạo nên. Mặc dù vậy, có thể nói việc sử dụng khái niệm phân tầng cũng giúp mô tả được trạng thái nhiều tầng lớp của xã hội trong những điều kiện thời gian và không gian nhất định.

Có nhiều định nghĩa về phân tầng xã hội. Chẳng hạn, GS.TS. Trịnh Duy Luân, Viện Xã hội học cho rằng: Phân tầng xã hội là “sự xếp hạng một cách ổn định các vị trí trong xã hội xét từ góc độ quyền lực, uy tín hoặc các đặc quyền, đặc lợi không ngang nhau”. Trong sự phân tầng xã hội có các “tầng” (stratum), mỗi tầng là một tập hợp người (cá nhân), giống nhau về địa vị, bao gồm địa vị kinh tế (tài sản, thu nhập), địa vị chính trị (quyền lực), hay địa vị xã hội (như uy tín), từ đó mà họ có được những cơ hội thăng tiến và những thứ bậc nhất định trong xã hội. Sự phân tầng xã hội thường được mô tả dưới dạng các “tháp phân tầng” với những hình dáng khác nhau, tùy thuộc vào đặc trưng của các loại xã hội [3].

Theo GS-TS Nguyễn Đình Tấn: “Phân tầng xã hội là sự bất bình đẳng mang tính cơ cấu của mọi xã hội loài người, trừ những tổ chức xã hội sơ khai. Phân tầng xã hội là sự phân chia, sắp xếp các thành viên trong xã hội thành các tầng xã hội khác nhau. Đó là sự khác nhau về địa vị kinh tế hay tài sản, về địa vị chính trị hay quyền lực, địa vị xã hội hay uy tín, cũng như sự khác nhau về trình độ học vấn, loại nghề nghiệp, phong cách sinh hoạt, cách ăn mặc, kiểu nhà ở, nơi cư trú, thị hiếu nghệ thuật, trình độ tiêu dùng,...”[2].

Từ các định nghĩa trên cho thấy, về cơ bản, phân tầng xã hội là một sự phân chia mang tính cấu trúc các tầng lớp, giai tầng xã hội dựa trên những đặc trưng về vị thế kinh tế - xã hội của các cá nhân. Phân tầng xã hội diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

Phân tầng xã hội là một hiện tượng khách quan, phổ biến và khó tránh khỏi của xã hội có giai cấp. Nó là kết quả của sự phân công lao động xã hội và sự bất bình đẳng mang tính cơ cấu của tất cả mọi chế độ xã hội có giai cấp. Khi nói đến phân tầng xã hội, các nhà xã hội học đề cập đến bất bình đẳng xã hội như là một yếu tố cơ bản dẫn đến phân tầng xã hội. Sự bất bình đẳng ở đây được hiểu theo nghĩa là sự không ngang bằng nhau giữa các cá nhân, giữa nhóm xã hội về thể chất, trí tuệ, điều kiện, cơ may... Khái niệm phân tầng xã hội có quan hệ gần gũi với các khái niệm như: phân hóa giai cấp, phân hóa giàu nghèo, phân cực xã hội và có thể coi như là những biến thể, hay là trường hợp riêng của phân tầng xã hội. Tuy nhiên, phân tầng xã hội có ý nghĩa rộng lớn hơn phân chia giai cấp xã hội, vì giai cấp chỉ là một trong những tiêu chuẩn hay chiều cạnh của phân chia xã hội thành các tầng lớp khác nhau. Phân tầng xã hội không có ý nghĩa tuyệt đối, bất biến, mà có thể thay đổi do sự vận động và phát triển không ngừng của xã hội dẫn đến sự thay đổi vị thế xã hội của các cá nhân và các tầng lớp trong xã hội. Trong sự phân tầng xã hội có cả mặt "tĩnh" và mặt "động", có cả sự ổn định tương đối và sự cơ động của các nhóm xã hội và các cá nhân từ tầng xã hội này sang tầng xã hội khác, hoặc chỉ trong một tầng xã hội đó.

Trong lịch sử, tương ứng với các loại xã hội khác nhau, có những hệ thống phân tầng khác nhau. Theo các nhà xã hội học, có 4 kiểu chủ yếu về hệ thống phân tầng xã hội là: nô lệ, đẳng cấp, phong kiến và các giai cấp xã hội. Khái quát lại, người ta thường đề cập tới 2 kiểu phân tầng xã hội là phân tầng đóng và phân tầng mở. *Phân tầng đóng*: là loại phân tầng diễn ra trong xã hội đẳng cấp, ở đó ranh giới giữa các tầng lớp xã hội được xác định rất rõ ràng và được duy trì một cách nghiêm ngặt. Các cá nhân không có cơ hội để thay đổi vị trí của mình từ tầng lớp này sang tầng lớp khác. *Phân tầng mở*: là loại phân tầng trong xã hội có giai cấp, ở đó ranh giới giữa các tầng lớp rất linh hoạt, các cá nhân trong xã hội có cơ hội, điều kiện để di chuyển sang các tầng lớp khác. Ngoài ra, khi nghiên cứu phân tầng xã hội có nhà xã hội học còn đề cập đến phân tầng xã hội hợp thức và phân tầng xã hội không hợp thức [3],

theo đó, *phân tầng xã hội hợp thức* là sự phân tầng dựa trên sự khác biệt một cách tự nhiên về năng lực (thể chất, trí tuệ), về điều kiện cơ may cũng như sự phân công lao động căn cứ vào năng lực của mỗi cá nhân và nhóm xã hội. Thực chất của phân tầng xã hội hợp thức là sự vận hành xã hội theo nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo lao động", là sự phân tầng theo hướng lành mạnh, tích cực, giúp xã hội ổn định và phát triển. *Phân tầng xã hội không hợp thức* là phân tầng không dựa trên sự khác biệt tự nhiên của cá nhân về tài, đức, sự cống hiến cho xã hội, mà dựa trên những hành vi bất chính như tham nhũng, lừa gạt, trộm cắp, buôn bán phi pháp, xu nịnh, cơ hội... để trở nên giàu có, được nắm giữ quyền lực, có địa vị xã hội, hoặc ngược lại, do lười biếng dựa dẫm, ỷ lại, không chịu lao động, phấn đấu, để rơi vào tình trạng khốn khó, nghèo túng. Phân tầng không hợp thức góp phần tạo nên và làm trầm trọng thêm sự bất công bằng xã hội, là mầm mống gây nên sự bất ổn định và xung đột xã hội.

2.2. Phân tầng xã hội hiện nay ở Việt Nam

Điều đáng lưu ý là hiện tượng phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay diễn ra đồng thời theo hai xu hướng: hợp thức và không hợp thức. Bên cạnh xu hướng phân tầng hợp thức là chủ đạo, trong xã hội cũng đang diễn ra xu hướng phân tầng không hợp thức. Đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều những nhóm giàu có nhanh chóng nhờ những thủ đoạn làm ăn phi pháp, bất minh, cơ hội, lợi dụng những kẽ hở và sự chưa hoàn thiện của luật pháp và hệ thống quản lý, sự thoái hóa biến chất, quan liêu, tham nhũng của một bộ phận cán bộ quản lý, có chức, có quyền. Có tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên, quan chức trong bộ máy nhà nước thông đồng, cấu kết với giới làm ăn bất chính, cố tình làm sai lệch chính sách và pháp luật của nhà nước để trục lợi, gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước và công dân. Cũng không ít kẻ nhờ có tiền và những thủ đoạn cơ hội, mua bằng cấp, quyền chức, cấu kết với giới quan chức thoái hóa mà trở nên giàu sang, có địa vị. Đây chính là những yếu tố góp phần gây nên và làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng, bất công trong xã hội, làm nhiễu loạn hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội, làm mất lòng tin của nhân dân vào bản chất tốt đẹp của chế độ và định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang theo đuổi.

Qua nghiên cứu thực trạng phân tầng xã hội ở Việt Nam cho thấy tồn tại cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực của phân tầng xã hội là khơi dậy, thúc đẩy tính tích cực, năng động, chủ động, sáng

tạo của mỗi cá nhân, nhóm xã hội trong việc phát hiện khai thác các cơ hội để làm giàu chính đáng, vươn lên thành đạt trong các lĩnh vực của đời sống, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường. Những biến đổi trong cơ cấu giai tầng xã hội dưới tác động của phân tầng xã hội có tác động tích cực, góp phần kích thích mạnh mẽ sự chuyển đổi mô hình và cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hợp lý, bền vững, làm tăng tính cơ động xã hội và sự phân công lại lao động xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước. Thông qua phân tầng xã hội mà sàng lọc, tuyển chọn, hình thành được những tầng lớp mới, những nhóm ưu tú, vượt trội, có những phẩm chất và năng lực cần thiết, thích ứng được với sự biến đổi của xã hội. Nhìn chung, sự phân tầng xã hội có xu hướng chuyển mạnh và rõ nét từ trì trệ, khép kín sang cởi mở, năng động, linh hoạt, mềm dẻo nhằm tạo ra các cơ hội và đáp ứng tốt hơn các nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của các cá nhân và các giai tầng xã hội trong nền kinh tế thị trường.

Mặt tiêu cực của phân tầng xã hội, nhất là phân tầng bất hợp thức là những hệ lụy, những mặt trái mà nó tác động, ảnh hưởng đến xã hội. Đó là sự phân hóa giàu nghèo, chênh lệch về mức sống, bất bình đẳng xã hội gia tăng, là sự đảo lộn và nhiễu loạn các giá trị xã hội, là sự mất lòng tin của người dân vào chế độ và những người đại diện cho chế độ, dẫn đến những hành vi tiêu cực, bất mãn, phá hoại, làm cho xã hội mất ổn định, những động lực chân chính bị triệt tiêu, làm tăng những yếu tố tiêu cực, rủi ro, cản trở sự phát triển xã hội.

Phân tầng xã hội với hai mặt tích cực và tiêu cực nêu trên, vừa là kết quả của sự phát triển kinh tế - xã hội, sự phân công lao động trong cơ chế thị trường, vừa là động lực vừa là lực cản của quá trình đó, tùy thuộc vào năng lực quản trị xã hội của hệ thống quản lý xã hội. Điều đó đòi hỏi phải có những nghiên cứu sâu rộng hơn về phân tầng xã hội, qua đó giúp cơ quan quản lý hiểu rõ hơn xu hướng vận động của cơ cấu xã hội với các giai tầng khác nhau trong nền kinh tế thị trường, từ đó có những chính sách, giải pháp quản trị phù hợp, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

3. Đề xuất giải pháp rút ngắn khoảng cách giàu nghèo và phân tầng xã hội ở Việt Nam

3.1. Nhóm giải pháp vĩ mô

Thứ nhất, với sự hỗ trợ của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ sẽ tiếp tục triển khai các cơ chế tín dụng và các ngân hàng, các tổ chức tài chính

quốc tế tiếp tục thúc đẩy và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ để tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Ngân hàng thế giới và các ngân hàng trong nước tăng cường các hoạt động tín dụng nhỏ và hỗ trợ các doanh nghiệp qui mô nhỏ; đồng thời cải thiện và mở rộng các chính sách dân chủ, tăng cường hoạt động giáo dục và đào tạo. Cần chú trọng thực hiện các chính sách tín dụng cho nông dân có thể thực hiện được mô hình nông thôn mới; hỗ trợ kỹ thuật nuôi trồng, chế biến tại chỗ các nguyên nhiên liệu của người dân trực tiếp sản xuất được.

Thứ hai, Chính phủ và các tổ chức cần xây dựng và thực hiện một kế hoạch về quan hệ đối tác hoặc công tác giữa các nước có thu nhập thấp với các nước có thu nhập cao, giữa người có thu nhập cao với người có thu nhập thấp. Trong đó chú trọng tăng cường các hoạt động nhằm thu hút các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam và bản thân Việt Nam cần tăng cường quyết tâm thay đổi, nhất là cải cách thủ tục hành chính.

Thứ ba, các quốc gia phát triển và Liên hợp quốc cần đẩy mạnh những chương trình cung cấp thiết bị và đào tạo giáo dục hạ giá cho trường học, doanh nghiệp, bệnh viện.

Thứ tư, với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, Nhà nước cần tăng cường những nỗ lực xúc tiến cơ chế tự do thương mại giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, nhất là nghiên cứu và đưa ra các giải pháp phù hợp với Việt Nam trong điều kiện Việt Nam thực thi EVFTA.

Thứ năm, các tổ chức quốc tế và các quốc gia cần xây dựng một cơ chế tạo điều kiện cho các nước nghèo nợ nần quá nhiều có thể tuyên bố vỡ nợ.

3.2. Nhóm giải pháp vi mô

Thứ nhất, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho hộ nghèo. Thực hiện khai thác có hiệu quả quỹ đất đai, tài nguyên rừng; tài nguyên biển; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho đầu tư phát triển và sản xuất - kinh doanh cho các thành phần kinh tế trên địa bàn cụ thể, nhất là những lĩnh vực, ngành nghề truyền thống có nguồn nguyên liệu dồi dào, những sản phẩm độc đáo của đồng bào các dân tộc, các địa bàn dân cư. Cần triển khai công tác xúc tiến và chuẩn bị đầu tư để tranh thủ các nguồn vốn cho phát triển và xóa đói, giảm nghèo; thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn; áp dụng linh hoạt chính sách thuế nhằm tạo môi

trường đầu tư lành mạnh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ khắc phục tình trạng nghèo đói trong dân cư, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc nghèo, vùng sâu, vùng xa. Ưu tiên đầu tư giải quyết tốt công tác định canh, định cư gắn với phát triển kết cấu hạ tầng cho vùng nghèo.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực và việc làm cho vùng đồng bào dân tộc nghèo, vùng sâu, vùng xa. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch sử dụng đất và nguồn lao động tại chỗ để giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo. Áp dụng các chính sách sử dụng lao động theo hướng tăng quyền chủ động của các đơn vị sử dụng lao động; khuyến khích và hỗ trợ việc sử dụng lao động nông thôn, nông nghiệp, nông dân; chú trọng phát triển mô hình VAC, mô hình cây trồng vật nuôi, trồng cao su, trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn để thu hút lao động tại chỗ. Không ngừng nâng cao dân trí cho người nghèo; hướng dẫn, khuyến khích người nghèo thay đổi tập tục lạc hậu trong sinh hoạt và sản xuất - đây là vấn đề cốt lõi để nâng cao đời sống mọi mặt của người nghèo (Chiến lược mang tính bền vững). Đẩy mạnh việc đào tạo nghề để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ưu tiên việc dạy nghề, đào tạo lao động tại chỗ, tạo điều kiện và cơ chế cho lao động vùng nghèo đi xuất khẩu lao động, tạo ra nhiều việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn.

Thứ ba, khuyến khích các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và áp dụng công nghệ mới trong sản xuất - kinh doanh. Tăng thêm cán bộ khuyến nông, khuyến lâm cho vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa; thường xuyên tập huấn cho đội ngũ này để có năng lực tiếp cận thực tiễn, có năng lực chuyên môn, hiểu biết phong tục tập quán, ngôn ngữ và văn hóa của đồng bào để hướng dẫn cho đồng bào thuần thực kỹ thuật canh tác các loại cây trồng, vật nuôi, nhất là kỹ thuật trồng lúa nước và thâm canh cây trồng cạn. Thường xuyên tổ chức tập huấn kỹ thuật; tổ chức tham quan học tập, xây dựng mô hình trình diễn để đồng bào "mắt thấy, tai nghe", khuyến khích người nghèo, hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

Thứ tư, xây dựng quy hoạch phát triển vùng gắn với xóa đói, giảm nghèo. Cần sớm triển khai hoàn thiện chiến lược và quy hoạch phát triển ngành, phát triển vùng và các khu vực kinh tế trọng điểm; các ngành quan trọng và các sản phẩm chủ lực có tiềm năng về thị trường và lợi nhuận cao. Tạo quyền chủ động của các doanh nghiệp trong việc lựa chọn dự án, chọn đối tác, hình thức và địa điểm đầu tư.

Đặc biệt chú trọng xây dựng kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA cho các địa phương, trong đó ưu tiên cho vùng nghèo. Đối với các dự án đầu tư, cần áp dụng quy trình thẩm định chặt chẽ có xác định nguồn vốn, hình thức phân cấp, trách nhiệm từ khâu điều tra, khảo sát, thiết kế đến thi công, kiểm tra, giám sát dự án. Xây dựng mô hình điểm về xóa đói, giảm nghèo cho từng tiểu vùng để nhân rộng ra toàn vùng.

Thứ năm, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tư nhân và tạo việc làm cho người lao động. Nâng cao tính tự chủ của các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, kinh tế tư nhân phát triển ở các lĩnh vực sản xuất cao su, cà phê và lâm nghiệp là những ngành mà đồng bào dân tộc ít người dễ tiếp cận. Quỹ hỗ trợ phát triển cần đẩy mạnh việc cho vay các dự án trồng rừng nguyên liệu, trồng cây công nghiệp và các cơ sở chế biến gắn với tạo việc làm cho đồng bào dân tộc. Ngân hàng Chính sách xã hội tập trung vốn cho đồng bào vay phát triển kinh tế, thực hiện các dự án trồng cây tiểu điền, chăn nuôi đại gia súc.

Thứ sáu, làm tốt công tác tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động người nghèo tích cực tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo. Để thực hiện được mục tiêu cơ bản về xóa đói, giảm nghèo, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kiến thức cho người nghèo, cho các cộng đồng nghèo và lực lượng cán bộ các cấp có liên quan đến điều hành, chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo. Các tổ chức đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh...), trong đó già làng, trưởng thôn, trưởng bản là lực lượng xung kích, đầu tàu trong việc thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo. □

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.
2. Nguyễn Đình Tấn, *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*. Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
3. Trịnh Duy Luân, *Phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay - Phương pháp tiếp cận và kết quả nghiên cứu*. <http://thongtinphapluat.dansu.wordpress.com/2010/04/14/4747-2>.
4. Lê Ngọc Hùng, *Chênh lệch giàu nghèo và phân tầng xã hội ở Hà Nội hiện nay*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 8-10-2010.
5. Đỗ Thiên Kinh, *Tác động của chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp xã hội đến phân tầng mức sống*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1999.